

DANH MỤC

(Kèm theo Thư mời báo giá số: /BVĐKT-KD ngày tháng 6 năm 2023)

STT	Tên hàng hóa	Tên thương mại	Mô tả hàng hóa/ Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Nhóm tiêu chí kỹ thuật TT14	Quy cách đóng gói	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Giá xây dựng dự toán mua sắm và kế hoạch LCNT			Giá tra trên chuyên trang https://kekhaigiattbyt.moh.gov.vn/		
									Số lượng	Đơn giá (có VAT)	Thành tiền	Giá kê khai	Mã Kê khai	Mã sản phẩm
1	Dung dịch rửa dùng cho máy Access 2	Access Wash Buffer II	- Thành phần: Dung dịch muối đệm TRIS, chất hoạt tính bề mặt, < natri azit 0,1% và < 0,05% khối lượng phản ứng của: 5-chloro-2-methyl-4-isothiazolin-3-một và 2-methyl-4-isothiazolin-3-một (3:1).	Hộp	Nhóm 4	4x1950mL	Beckman Coulter Laboratory Systems (Suzhou) Co., Ltd., Trung Quốc sản xuất cho Beckman Coulter, Inc., Mỹ	Trung Quốc	2					
2	Đo hoạt độ ALT (GPT)	ALT	Hóa chất dùng cho xét nghiệm ALT ; dải đo: 3-500U/L ; phương pháp dựa trên khuyến nghị của IFCC. Thành phần: L-Alanine 500 mmol/L; 2-Oxoglutarate 12 mmol/L; LDH ≥ 1.8 kU/L; NADH 0.20 mmol/L;	Hộp	Nhóm 3	4x12ml+4x6 ml	Beckman Coulter Ireland Inc., Ai-len sản xuất cho Beckman Coulter, Inc., Mỹ	Ai-len	10					
3	Đo hoạt độ AST (GOT)	AST	Hóa chất dùng cho xét nghiệm AST ; dải đo: 3-1000 U/L ; Phương pháp dựa trên khuyến nghị của IFCC. Thành phần: L-aspartate 240 mmol/L; 2-Oxoglutarate 12 mmol/L; LDH ≥ 0.9 kU/L; MDH ≥ 0.6 kU/L; NADH 0.20 mmol/L;	Hộp	Nhóm 3	4x6ml+4x6 ml	Beckman Coulter Ireland Inc., Ai-len sản xuất cho Beckman Coulter, Inc., Mỹ	Ai-len	10					
4	Định lượng Creatinin	CREATININE	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Creatinine ; dải đo: 5-2200 μmol/L ; phương pháp: Kinetic Jaffe, bước sóng 520/800 nM. Thành phần: Natri hydroxide 120 mmol/L; Axit picric 2,9 mmol/L.	Hộp	Nhóm 1	4x51ml+4x5 1ml	Beckman Coulter Ireland Inc., Ai-len sản xuất cho Beckman Coulter, Inc., Mỹ	Ai-len	1					
5	Định lượng Cholesterol toàn phần	CHOLESTEROL	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Cholesterol ; dải đo: 0.5-18 mmol/L ; phương pháp: CHO-POD; bước sóng 540/600 nM. Thành phần:4-Aminoantipyrine 0,31 mmol/L; Phenol 5,2 mmol/L; Cholesterol esterase ≥ 0,2 kU/L (3,3 μkat/L); Cholesterol oxidase ≥ 0,2 kU/L (3,3 μkat/L);	Hộp	Nhóm 1	4x22.5ml	Beckman Coulter Ireland Inc., Ai-len sản xuất cho Beckman Coulter, Inc., Mỹ	Ai-len	1					

STT	Tên hàng hóa	Tên thương mại	Mô tả hàng hóa/ Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Nhóm tiêu chí kỹ thuật TT14	Quy cách đóng gói	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Giá xây dựng dự toán mua sắm và kế hoạch LCNT			Giá tra trên chuyên trang https://kekhaigiattby.t.moh.gov.vn/		
									Số lượng	Đơn giá (có VAT)	Thành tiền	Giá kê khai	Mã Kê khai	Mã sản phẩm
6	Định lượng Bilirubin trực tiếp	DIRECT BILIRUBIN	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Bilirubin trực tiếp ; dải đo: 0–171 µmol/L ; phương pháp: DPD, bước sóng 570 nM. Thành phần: 3,5 Dichlorophenyl diazonium tetrafluoroborate 0.08 mmol/L	Hộp	Nhóm 1	4x6ml+4x6 ml	Beckman Coulter Ireland Inc., Ai-len sản xuất cho Beckman Coulter, Inc., Mỹ	Ai-len	1					
7	Định lượng Glucose	GLUCOSE	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Glucose ; dải đo: 0.6-45 mmol/L ; phương pháp: Hexokinase, bước sóng 340 nM. Thành phần: Đệm PIPES (pH 7,6) 24,0 mmol/L, ATP ≥ 2,0 mmol/L, Hexokinase ≥ 0,59 kU/L, G6P-DH ≥ 1,58 kU/L	Hộp	Nhóm 1	4x25ml+4x1 2.5ml	Beckman Coulter Ireland Inc., Ai-len sản xuất cho Beckman Coulter, Inc., Mỹ	Ai-len	1					
8	Định lượng HDL-C (High density lipoprotein Cholesterol)	HDL-CHOLESTEROL	Hóa chất dùng cho xét nghiệm HDL-Cholesterol ; dải đo: 0.05-4.65 mmol/L ; phương pháp: Enzymatic colour). Thành phần: Kháng thể kháng β-lipoprotein ở người nồng độ thay đổi; Cholesterol esterase (CHE) 0,8 IU/mL; Cholesterol oxidase (CHO) 4,4 IU/mL; Peroxidase (POD) 1,7 IU/mL; Ascorbate Oxidase 2 IU/mL;F-DAOS 0,2 mmol/L; 4-Aminoantipyrine 0,67 mmol/L	Hộp	Nhóm 3	4x27ml+4x9 ml	FUJIFILM Wako Pure Chemical Corporation, Nhật Bản sản xuất cho Beckman Coulter Ireland Inc., Ai-len	Nhật Bản	1					
9	Định lượng LDL - C (Low density lipoprotein Cholesterol)	LDL-CHOLESTEROL	Hóa chất dùng cho xét nghiệm LDL-Cholesterol ; dải đo: 0.26-10.3 mmol/L ; phương pháp: Enzymatic colour . Thành phần: Cholesterol esterase 3,7 IU/mL; Cholesterol oxidase 3,7 IU/mL; 4-aminoantipyrine 0,8 mmol/L;	Hộp	Nhóm 3	4x27ml+4x9 ml	FUJIFILM Wako Pure Chemical Corporation, Nhật Bản sản xuất cho Beckman Coulter Ireland Inc., Ai-len	Nhật Bản	1					
10	Định lượng Ure	UREA/UREA NITROGEN	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Urea/Urea nitrogen ; dải đo: 0.8-50 mmol/L ; phương pháp: Urease/GLDH . Thành phần: NADH ≥ 0.26 mmol/L; 2-Oxoglutarate ≥ 9.8 mmol/L ;Urease ≥ 17.76 kU/L; GLDH ≥ 0.16 kU/L	Hộp	Nhóm 1	4x53ml+4x5 3ml	Beckman Coulter Ireland Inc., Ai-len sản xuất cho Beckman Coulter, Inc., Mỹ	Ai-len	1					

STT	Tên hàng hóa	Tên thương mại	Mô tả hàng hóa/ Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Nhóm tiêu chí kỹ thuật TT14	Quy cách đóng gói	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Giá xây dựng dự toán mua sắm và kế hoạch LCNT			Giá tra trên chuyên trang https://kekhaigiattbyt.moh.gov.vn/		
									Số lượng	Đơn giá (có VAT)	Thành tiền	Giá kê khai	Mã Kê khai	Mã sản phẩm
11	Hóa chất điện giải	EasyLyte Na/K/Cl Solutions Pack, 800mL	Sử dụng để định lượng nồng độ Natri (Na +), Kali (K +) và Clorua (Cl-) trong huyết thanh người, huyết tương, máu toàn phần và nước tiểu *Thành phần: , 800mL: 140.0 mmol/L Na+; 4.0 mmol/L K+; 125.0 mmol/L Cl-; Buffer; Preservative; Wetting Agent Standard B Solution, 180mL: 35.0 mmol/L Na+; 16.0 mmol/L K+; 41.0 mmol/L Cl-; Buffer; Preservative; Wetting Agent Wash Solution, 80mL 0.1 mol/L Ammonium bifluoride Waste Container	Hộp	Nhóm 3	800ml	Medica	Mỹ	2					
12	Que thử nước tiểu 11 thông số	CombiScreen 11SYS	Thông số: Đo được 11 thông số nước tiểu bao gồm: Glucose, pH, Protein, máu, Ketones, Nitrite, Bilirubin, Urobilinogen, tỷ trọng, bạch cầu, acid Ascorbic.	Hộp	Nhóm 3	150 que/hộp	Analyticon Biotechnologies GmbH	Đức	18					
	Tổng cộng: 12 mặt hàng										0			